

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	06/6/2017	
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên	27/4/2018	
Ông Lê Trọng Hiếu	Thành viên	06/6/2017	27/4/2018
Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên	06/6/2017	
Ông Trần Quang Minh	Thành viên	06/6/2017	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	06/6/2017	
Ông Lê Huy Hùng	Thành viên	06/6/2017	
Ông Trần Văn Châu	Thành viên	06/6/2017	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Lại Thị Thu	Trưởng ban	06/6/2017	
Bà Dương Quỳnh Nga	Ủy viên	06/6/2017	
Bà Trương Thị Thanh Nhung	Ủy viên	06/6/2017	
Ông Nguyễn Ngọc Lương	Ủy viên	06/6/2017	
Bà Lê Thị Kim Xuyên	Ủy viên	06/6/2017	
<u>Ban Giám đốc</u>			
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc	27/4/2018	
Ông Lê Trọng Hiếu	Giám đốc	06/6/2017	27/4/2018
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc	06/6/2017	
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	06/6/2017	
Bà Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	06/6/2017	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Huỳnh Tuấn Anh, chức danh Giám đốc Công ty từ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc 



HUỲNH TUẤN ANH - Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn, được lập ngày 13 tháng 8 năm 2018, từ trang 6 đến trang 45 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THỂ HOÀNG - Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư	
			30/6/2018	31/12/2017
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.915.740.394	197.919.788.468
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.704.509.108	50.360.540.017
1 . Tiền	111		23.204.509.108	18.660.540.017
2 . Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	31.700.000.000
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	35.044.164.384	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.044.164.384	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123.296.482.179	123.101.316.053
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	114.067.410.577	112.385.056.009
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.818.278.962	9.107.224.611
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.395.884.176	3.594.126.969
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.985.091.536)	(1.985.091.536)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	14.934.723.959	20.068.590.750
Hàng tồn kho	141		14.934.723.959	20.068.590.750
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		5.935.860.764	4.389.341.648
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.030.795.734	3.289.786.145
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.349.831.411	1.099.555.503
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.555.233.619	-
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		274.021.379.421	284.129.949.136
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		7.901.515	7.901.515
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	7.901.515	7.901.515
II . Tài sản cố định	220		221.810.227.847	215.821.215.714
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	221.293.282.789	215.164.353.136
Nguyên giá	222		706.169.855.584	679.798.003.772
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(484.876.572.795)	(464.633.650.636)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.10	516.945.058	656.862.578
Nguyên giá	228		4.801.186.666	4.651.186.666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.284.241.608)	(3.994.324.088)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	8.920.149.632	12.468.282.925
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.920.149.632	12.468.282.925
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000	8.330.000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		43.274.770.427	55.824.218.982
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	43.274.770.427	55.824.218.982
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		483.937.119.815	482.049.737.604

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018	31/12/2017
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		294.012.019.615	273.321.677.654
I . Nợ ngắn hạn	310		252.851.258.993	249.574.374.664
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	171.635.987.582	153.361.303.772
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.223.587.677	4.334.289.690
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.522.939.284	15.384.220.961
4 . Phải trả người lao động	314		4.570.374.450	17.554.600.887
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	35.510.449.882	39.515.227.083
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	20.282.911.822	15.483.856.213
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	892.222.376	1.788.212.721
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.212.785.920	2.152.663.337
II . Nợ dài hạn	330		41.160.760.622	23.747.302.990
1 . Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	18.767.690.592	18.845.260.211
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	20.473.075.235	3.711.736.608
3 . Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	1.919.994.795	1.190.306.171
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189.925.100.200	208.728.059.950
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.20	189.925.100.200	208.728.059.950
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		63.849.723.527	63.113.094.929
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.924.623.327)	15.614.965.021
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	1.341.752.120
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(3.924.623.327)	14.273.212.901
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		483.937.119.815	482.049.737.604

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018




VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		485.502.944.905	505.675.071.737
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		263.991.228	111.215.626
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	485.238.953.677	505.563.856.111
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	463.347.523.807	484.167.136.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.891.429.870	21.396.720.021
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	591.337.604	287.174.598
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	340.461.419	417.687.225
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		340.461.419	417.687.225
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.978.356.284	6.520.456.249
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	18.455.350.789	17.729.596.023
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.291.401.018)	(2.983.844.878)
11. Thu nhập khác	31		1.080.220.551	1.160.521.136
12. Chi phí khác	32		(16.245.764)	(125.833.906)
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	1.096.466.315	1.286.355.042
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.194.934.703)	(1.697.489.836)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	729.688.624	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.924.623.327)	(1.697.489.836)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	(302)	(131)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	(302)	(131)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018



HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B03a-DN
Đơn vị tính: VND
Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I . Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 . Lợi nhuận trước thuế	01		(3.194.934.703)	(1.697.489.836)
2 . Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22.611.101.788	22.471.785.980
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(664.988.426)	(287.174.598)
- Chi phí lãi vay	06		340.461.419	417.687.225
3 . Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.091.640.078	20.904.808.771
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.084.113.153)	(13.604.046.741)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.133.866.791	50.038.187.175
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.931.478.063	54.842.834.425
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.808.438.966	(82.395.747.759)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(340.461.419)	(417.687.225)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.520.826.326)	(3.178.813.252)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		113.590.000	193.234.127
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.831.803.840)	(3.668.912.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.301.809.160	22.713.857.120
II . Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 . Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35.857.970.928)	(23.645.682.255)
2 . Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		73.650.822	-
3 . Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(48.044.164.384)	-
4 . Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		13.000.000.000	-
5 . Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		674.775.104	320.757.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.153.709.386)	(23.324.924.324)
III . Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 . Tiền thu từ đi vay	33		16.761.338.627	-
2 . Tiền trả nợ gốc vay	34		(895.990.345)	(1.247.435.966)
3 . Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.669.478.965)	(68.102.249)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.195.869.317	(1.315.538.215)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(19.656.030.909)	(1.926.605.419)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50.360.540.017	45.735.185.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	30.704.509.108	43.808.580.258

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018



HUỖNH TUẤN ANH
Giám đốc

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B 09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 6 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 5 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu.

• **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, Tp. HCM	300.000	3.000.000.000	2,31
2	Ngân hàng TMCP Đông Á	130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	276.652	2.766.520.000	2,13
3	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	33 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM	300.500	3.005.000.000	2,31
4	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	01 Công Trường Quốc Tế, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM	6.630.400	66.304.000.000	51,00
5	Các cổ đông khác		5.492.448	54.924.480.000	42,25
	Cộng		13.000.000	130.000.000.000	100,00

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-028) 3 855 2354
Fax : (84-028) 3 955 0424
Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 444 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 448 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 thuộc kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013" và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định", cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 - 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ) hoặc chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.
- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tiền mặt	33.206.580	17.995.993
Tiền gửi ngân hàng	23.171.302.528	18.642.544.024
Các khoản tương đương tiền (i)	7.500.000.000	31.700.000.000
Cộng	<u>30.704.509.108</u>	<u>50.360.540.017</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn với lãi suất 4,1%/ năm (năm 2017: 5%/ năm).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng Ngân hàng TMCP Sài Gòn (*)	35.044.164.384	35.044.164.384	-	-
Cộng	35.044.164.384	35.044.164.384	-	-

(*) Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn với lãi suất 7,1% /năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2018	31/12/2017
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	104.806.339.735	104.486.986.997
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	6.843.182.170	5.067.404.991
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	2.417.888.672	2.830.664.021
Cộng	114.067.410.577	112.385.056.009

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	104.806.339.735	104.486.986.997
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch	304.676.838	304.812.619
Cộng	105.111.016.573	104.791.799.616

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước	176.086.107	446.849.460
Công ty TNHH Du lịch Trần Việt	319.497.200	-
Công ty TNHH MTV Hưng Đại Việt	-	1.238.991.723
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường Waseen	536.000.000	2.196.000.000
Công ty TNHH XDBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	476.398.620	810.821.820
Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn	725.400.000	-
Công ty CP ĐT TM DV KT Tín Nghĩa	462.562.165	455.960.465
Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn	400.000.000	-
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.021.211.847	1.614.682.386
Công ty TNHH MTV Bá Đức	2.132.117.814	1.702.000.000
Các nhà cung cấp khác	569.005.209	641.918.757
Cộng	6.818.278.962	9.107.224.611

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước	176.086.107	446.849.460
Cộng	176.086.107	446.849.460

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	30/06/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	4.395.884.176	-	3.594.126.969	-
Tạm ứng nhân viên	36.200.000	-	98.806.000	-
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	2.872.765.106	-	2.987.027.416	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	1.226.459.392	-	184.938.868	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	-	-	83.437.500	-
Phải thu khác	260.459.678	-	239.917.185	-
b) Phải thu dài hạn khác	7.901.515	-	7.901.515	-
Ký quỹ dài hạn	7.901.515	-	7.901.515	-
Cộng	4.403.785.691	-	3.602.028.484	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	30/06/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>4.402.234.575</i>	<i>2.417.143.039</i>	<i>1.985.091.536</i>	<i>4.402.234.575</i>	<i>2.417.143.039</i>	<i>1.985.091.536</i>
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước, dịch vụ khác	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536
Cộng	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ, xây dựng,... hay các khoản phải thu khác,... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	30/06/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.806.942.713	-	13.608.878.562	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.246	-	6.459.712.188	-
Cộng	14.934.723.959	-	20.068.590.750	-

8. Chi phí trả trước

	30/06/2018	31/12/2017
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.030.795.734	3.289.786.145
Công cụ dụng cụ	2.030.795.734	2.497.786.145
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	792.000.000
b) Chi phí trả trước dài hạn	43.274.770.427	55.824.218.982
Chi phí sửa chữa văn phòng	135.045.183	186.159.069
Gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	27.179.985.899	39.484.914.311
Thay đồng hồ nước	7.666.325.200	9.400.948.072
Chi phí cải tạo ống mục	681.499.378	235.999.151
Lắp đặt màn sáo	32.353.832	51.766.134
Chi phí cải tạo ống mục phục vụ CTTN	5.199.626.895	2.947.263.633
Công cụ dụng cụ	71.043.913	106.565.871
Phần mềm ARCGIS	1.992.495.418	2.988.743.128
Xây dựng nhà kho vật tư	316.394.709	421.859.613
Cộng	45.305.566.161	59.114.005.127

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2018	29.000.000.000	936.718.486	632.169.320.477	17.691.964.809	679.798.003.772
Tăng trong kỳ	216.148.586	-	29.295.336.637	705.857.000	30.217.342.223
Mua trong kỳ	-	-	-	705.857.000	705.857.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	216.148.586	-	29.295.336.637	-	29.511.485.223
Giảm trong kỳ	-	-	3.845.490.411	-	3.845.490.411
Thanh lý, nhượng bán	-	-	412.735.629	-	412.735.629
Quyết toán lại	-	-	1.767.228.302	-	1.767.228.302
Sửa chữa, tu bổ	-	-	1.665.526.480	-	1.665.526.480
30/06/2018	29.216.148.586	936.718.486	657.619.166.703	18.397.821.809	706.169.855.584
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2018	1.159.999.997	847.677.646	450.817.590.258	11.808.382.735	464.633.650.636
Tăng trong kỳ	291.843.495	21.467.124	20.623.870.459	1.384.003.190	22.321.184.268
Khấu hao trong kỳ	291.843.495	21.467.124	20.623.870.459	1.384.003.190	22.321.184.268
Giảm trong kỳ	-	-	2.078.262.109	-	2.078.262.109
Thanh lý, nhượng bán	-	-	412.735.629	-	412.735.629
Sửa chữa, tu bổ	-	-	1.665.526.480	-	1.665.526.480
30/06/2018	1.451.843.492	869.144.770	469.363.198.608	13.192.385.925	484.876.572.795
Giá trị còn lại					
01/01/2018	27.840.000.003	89.040.840	181.351.730.219	5.883.582.074	215.164.353.136
30/06/2018	27.764.305.094	67.573.716	188.255.968.095	5.205.435.884	221.293.282.789

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
01/01/2018	-	742.166.486	260.664.393.820	4.538.556.430	265.945.116.736
30/06/2018	-	742.166.486	269.736.561.308	6.333.635.872	276.812.363.666

10. Tài sản cố định vô hình

	01/01/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2018
Phần mềm máy tính				
Nguyên giá	4.651.186.666	150.000.000	-	4.801.186.666
Hao mòn lũy kế	(3.994.324.088)	(289.917.520)	-	(4.284.241.608)
Giá trị còn lại	656.862.578			516.945.058

Nguyên giá của các phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 3.600.946.666 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.600.946.666 VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/06/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Công trình di dời đường ống	3.262.545.543	3.332.960.847
Công trình chống thất thoát nước	986.897.046	3.033.189.793
Công trình cải tạo ống mục	21.344.932	350.541.982
Công trình ống cái	1.457.486.362	1.769.079.945
Phát triển mạng lưới	3.191.875.749	3.982.510.358
Cộng	<u>8.920.149.632</u>	<u>12.468.282.925</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>30/06/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	165.288.139.602	165.288.139.602	145.615.297.241	145.615.297.241
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Bách nghệ Phú Thọ	217.594.467	217.594.467	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Lotas	-	-	347.820.000	347.820.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường Việt An	436.113.700	436.113.700	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Hồng Đăng	746.306.443	746.306.443	102.982.094	102.982.094
Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng D.N.A	308.729.474	308.729.474	225.444.322	225.444.322
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	-	-	2.909.598.399	2.909.598.399
Công ty Cổ phần ĐT XD Kỹ Nguyên	1.783.883.660	1.783.883.660	901.542.711	901.542.711
Công ty Cổ phần TV ĐT XD Nam Hồng Lộc	-	-	588.564.794	588.564.794
Công ty QL CTGT Sài Gòn	572.315.082	572.315.082	572.315.082	572.315.082
Công ty TNHH P.T.P	920.122.500	920.122.500	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.362.782.654	1.362.782.654	2.097.739.129	2.097.739.129
Cộng	<u>171.635.987.582</u>	<u>171.635.987.582</u>	<u>153.361.303.772</u>	<u>153.361.303.772</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>30/06/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	<u>165.288.139.602</u>	<u>145.615.297.241</u>
Cộng	<u>165.288.139.602</u>	<u>145.615.297.241</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Truy thu tiền thất thoát nước	1.141.319.881	440.121.156
Tạm thu chi phí thiết kế ống cống	177.687.998	148.687.998
Tiền nước chưa giải trách	5.745.171.425	3.594.594.439
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	19.367.000	19.367.000
Các khách hàng khác	140.041.373	131.519.097
Cộng	7.223.587.677	4.334.289.690

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2018
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	402.465.564	402.465.564	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.187.313.163	-	3.520.826.326	(1.333.513.163)
Thuế thu nhập cá nhân	360.675.024	1.648.918.751	2.231.314.231	(221.720.456)
Tiền thuê đất	4.250.995.800	1.057.381.600	5.308.377.400	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.585.236.974	45.406.662.232	45.468.959.922	8.522.939.284
- Phí bảo vệ môi trường	8.585.236.974	45.406.662.232	45.468.959.922	8.522.939.284
Cộng	15.384.220.961	48.518.428.147	56.934.943.443	6.967.705.665

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	1.555.233.619
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.384.220.961	8.522.939.284

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- Cung cấp nước : 5%.
- Cung cấp dịch vụ : 10%.

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8.

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/06/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán	773.422.951	10.679.095.194
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	3.767.967.254	28.442.618.322
Trích trước chi phí gắn ống cái	-	349.189.056
Trích trước chênh lệch giá sỉ nước sạch	6.953.761.123	-
Trích trước chi phí thuê tài sản	24.015.298.554	-
Chi phí khác	-	44.324.511
Cộng	<u>35.510.449.882</u>	<u>39.515.227.083</u>

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	20.282.911.822	15.483.856.213
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.109.095.468	7.109.095.468
Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công Chánh	110.000.000	110.000.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông	6.546.754.354	1.116.233.319
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.566.166.646	5.158.604.073
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	249.093.072	239.749.986
Các khoản phải trả khác	692.415.144	1.740.786.229
b) Phải trả dài hạn khác	18.767.690.592	18.845.260.211
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	18.767.690.592	18.845.260.211
Cộng	<u>39.050.602.414</u>	<u>34.329.116.424</u>

Phải trả khác là các bên liên quan

<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	<i>7.109.095.468</i>	<i>7.109.095.468</i>
<i>Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công Chánh</i>	<i>110.000.000</i>	<i>110.000.000</i>
Cộng	<u>7.219.095.468</u>	<u>7.219.095.468</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ tài chính

	01/01/2018				30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ ngắn hạn	1.788.212.721	1.788.212.721	-	(895.990.345)	892.222.376	892.222.376
Vay dài hạn đến hạn trả Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn [1]	1.788.212.721	1.788.212.721	-	(895.990.345)	892.222.376	892.222.376
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.711.736.608	3.711.736.608	16.761.338.627	-	20.473.075.235	20.473.075.235
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn [1]	3.711.736.608	3.711.736.608	-	-	3.711.736.608	3.711.736.608
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn [2]	-	-	16.761.338.627	-	16.761.338.627	16.761.338.627
Cộng	5.499.949.329	5.499.949.329	16.761.338.627	(895.990.345)	21.365.297.611	21.365.297.611

Thuyết minh chi tiết vay và nợ theo từng đối tượng:

[1] Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

- [1.1] *Hợp đồng vay* : Số 2363/HĐVV-TCT-KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010.
- + Hạn mức vay : 108.942.413 VND.
 - + Thời hạn vay : 10 năm.
 - + Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 là 3.026.178 VND, kỳ 36 trả 3.026.183 VND.
 - + Lãi vay : 8,4%/ năm.
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.

- [1.2] *Hợp đồng vay* : Số 3703/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26 tháng 11 năm 2012.
- + Hạn mức vay : 2.555.536.000 VND.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Thời hạn vay	: 10 năm.
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm.
+ Kỳ thanh toán nợ gốc	: Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới kỳ 35 là 70.987.000 VND; kỳ 36 là 70.991.000 VND).
+ Lãi vay	: 11,4%/ năm.
+ Kỳ thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý.
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay.
[1.3] <i>Hợp đồng vay</i>	: <i>Số 3710/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26 tháng 11 năm 2012.</i>
+ Hạn mức vay	: 5.239.758.000 VND.
+ Thời hạn vay	: 10 năm.
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm.
+ Kỳ thanh toán nợ gốc	: Thanh toán trong 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ).
- Từ kỳ 1 tới 35	: Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.272.000/ kỳ. Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.276.000/ kỳ.
- Kỳ 36	: Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.293.000/ kỳ. Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.285.000/ kỳ.
+ Lãi vay	: 11,4%/ năm.
+ Kỳ thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý.
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay.
[1.4] <i>Hợp đồng vay</i>	: <i>Số 3702/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26 tháng 11 năm 2012.</i>
+ Hạn mức vay	: 8.155.804.000 VND.
+ Thời hạn vay	: 10 năm.
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm.
+ Kỳ thanh toán nợ gốc	: Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới kỳ 35 là 226.550.000 VND; kỳ 36 là 226.554.000 VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- + Lãi vay : 11,4%/ năm.
- + Kỳ thanh toán lãi : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý.
- + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
- + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/06/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trong vòng 1 năm	892.222.376	1.788.212.721
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	3.711.736.608	3.711.736.608
Sau 5 năm	<u>4.603.958.984</u>	<u>5.499.949.329</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(892.222.376)</u>	<u>(1.788.212.721)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.711.736.608</u>	<u>3.711.736.608</u>

[2] *Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn*

Hợp đồng tín dụng : Số 6220-LAV-2017.01235/HĐTD ngày 30 ngày 11 tháng 2017.

Số tiền cho vay : 43.800.000.000 VND.

Thời gian cho vay : 8 năm (kể từ ngày giải ngân).

Thời gian ân hạn : 1 năm.

Lãi suất cho vay : 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Kỳ thanh toán nợ gốc : Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Kỳ thanh toán lãi : Ngày 20 hàng quý (20/01, 20/4, 20/7 và 20/10).

Mục đích sử dụng vốn vay : Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/06/2018</u>
Trong vòng 1 năm	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	10.995.400.000
Sau 5 năm	5.765.938.627
	<u>16.761.338.627</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>16.761.338.627</u>

	<u>30/06/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan</i>		
<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	4.603.958.984	5.499.949.329
Cộng	<u>4.603.958.984</u>	<u>5.499.949.329</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 30/6 hoặc 31/12
Năm 2017					
Quỹ khen thưởng	1.743.678.388	2.549.870.877	(2.455.143.608)	113.100.000	1.951.505.657
Quỹ phúc lợi	538.192.800	2.549.870.877	(2.985.547.250)	5.650.401	108.166.828
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-	678.594.669	(660.087.543)	74.483.726	92.990.852
Cộng	<u>2.281.871.188</u>	<u>5.778.336.423</u>	<u>(6.100.778.401)</u>	<u>193.234.127</u>	<u>2.152.663.337</u>
Năm 2018					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657	2.549.870.877	(2.667.730.000)	113.590.000	1.947.236.534

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 30/6 hoặc 31/12
Quỹ phúc lợi	108.166.828	2.926.340.546	(843.441.714)	-	2.191.065.660
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	92.990.852	302.125.000	(320.632.126)	-	74.483.726
Cộng	2.152.663.337	5.778.336.423	(3.831.803.840)	113.590.000	4.212.785.920

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Chi phí trả trước dài hạn
01/01/2017	-
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.190.306.171
31/12/2017	1.190.306.171
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	729.688.624
30/06/2018	1.919.994.795

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	130.000.000.000	57.386.667.692	21.946.515.780	209.333.183.472
Lãi trong năm trước	-	-	14.273.212.901	14.273.212.901
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	5.726.427.237	(5.726.427.237)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2017	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.021	208.728.059.950

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.021	208.728.059.950
Lỗ trong kỳ này	-	-	(3.924.623.327)	(3.924.623.327)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	736.628.598	(736.628.598)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
30/06/2018	130.000.000.000	63.849.723.527	(3.924.623.327)	189.925.100.200

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số **0304797806** ngày 18 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 130.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 03 ngày 18/5/2018		30/06/2018	31/12/2017
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.766.520.000	2,13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2,31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51,00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42,25	54.924.480.000	54.924.480.000
Cộng	130.000.000.000	100,00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>30/06/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 như sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Chia cổ tức cho các cổ đông	9.100.000.000	9.100.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	736.628.598	5.726.427.237
Trích quỹ khen thưởng	2.549.870.877	2.549.870.877
Trích quỹ phúc lợi	2.926.340.546	2.549.870.877
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	302.125.000	678.594.669
Cộng	<u>15.614.965.021</u>	<u>20.604.763.660</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Doanh thu cung cấp nước	478.326.954.504	494.890.426.854
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.911.999.173	10.673.429.257
Cộng	<u>485.238.953.677</u>	<u>505.563.856.111</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	455.188.647.264	478.481.398.073
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.158.876.543	5.685.738.017
Cộng	<u>463.347.523.807</u>	<u>484.167.136.090</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	569.791.383	240.016.633
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	21.546.221	47.157.965
Cộng	591.337.604	287.174.598

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	340.461.419	417.687.225
Cộng	340.461.419	417.687.225

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	5.086.894.920	5.147.834.091
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.080.283.281	234.360.364
Chi phí khấu hao	463.406.820	407.657.878
Chi phí bằng tiền khác	1.347.771.263	730.603.916
Cộng	7.978.356.284	6.520.456.249

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	9.258.464.550	9.430.266.587
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.705.229.592	622.143.971
Chi phí khấu hao	1.965.764.204	1.924.188.603
Thuế, phí và lệ phí	1.163.083.370	450.564.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.042.823	1.342.118.594
Chi phí bằng tiền khác	4.114.766.250	3.960.313.874
Cộng	18.455.350.789	17.729.596.023

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	1.080.220.551	1.160.521.136
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	73.650.822	-
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	3.636.364	66.363.643
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	327.223.252	175.580.812
Thu phí định mức nước, bồi thường di dời hệ thống cấp nước	559.712.674	878.713.189
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	400.000	22.547.000
Thu nhập khác	115.597.439	17.316.492
Chi phí khác	(16.245.764)	(125.833.906)
Chi phí thanh lý nguyên vật liệu	-	22.653.978
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	(22.650.085)	(169.821.963)
Chi phí khác	6.404.321	21.334.079
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	1.096.466.315	1.286.355.042

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(3.194.934.703)	(1.697.489.836)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	(3.295.399.833)	(7.841.023.491)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	100.465.130	6.143.533.655
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	200.508.996	21.334.079
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	200.508.996	21.334.079
Chi phí phạt vi phạm hành chính	3.500.000	21.334.079
Thù lao HĐQT không tham gia điều hành sản xuất kinh doanh	197.008.996	-
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	39%	40%
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	(2.994.425.707)	(1.676.155.757)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	(1.193.203.924)	(3.164.503.506)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	(1.901.686.913)	(4.655.185.906)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	100.465.130	6.143.533.655
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	5%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm 2018 Công ty không có thu nhập chịu thuế nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.924.623.327)	(1.697.489.836)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.924.623.327)	(1.697.489.836)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(302)	(131)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.924.623.327)	(1.697.489.836)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.924.623.327)	(1.697.489.836)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(3.924.623.327)	(1.697.489.836)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(302)	(131)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Chi phí nước sạch	354.656.615.481	378.895.109.255
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.685.642.041	6.476.129.707
Chi phí nhân công	46.280.339.111	46.682.035.627
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.611.101.788	22.471.785.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.263.341.377	24.001.032.157
Chi phí bằng tiền khác	36.284.190.782	30.047.585.196
Cộng	<u>489.781.230.580</u>	<u>508.573.677.922</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Mua sắm/ xây dựng tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	1.503.306.106	-
Cổ tức phải trả	<u>6.546.754.354</u>	<u>10.094.793.705</u>

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong kỳ này	83.437.500	33.583.333
Mua sắm/ xây dựng tài sản còn nợ năm trước đã thanh toán trong kỳ này	207.016.483	10.377.637.820
Trả trước người bán mua sắm tài sản cố định	-	5.304.563.676
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong kỳ này	<u>1.116.623.691</u>	<u>68.102.249</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình Giao thông Công Chánh
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	2.770.804.660	-
Cung cấp dịch vụ khác	(819.520.536)	918.395.071
Mua nước sạch	347.702.854.358	378.894.327.429
Mua vật tư	-	8.255.260.240
Mua tài sản	-	5.201.461.725
Thuê tài sản hoạt động	-	22.658.913.563
Lãi vay phải trả	301.767.339	417.687.225
Cung cấp dịch vụ	-	114.600.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	<u>938.333.745</u>	<u>127.300.168</u>
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch		
Cung cấp dịch vụ	<u>(123.437)</u>	<u>-</u>
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>30/06/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	104.806.339.735	104.486.986.997
Phải thu các khoản chi hộ	2.872.765.106	2.987.027.416
Phải trả thương mại	(165.288.139.602)	(145.615.297.241)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công đồng hồ nước	(7.109.095.468)	(7.109.095.468)
Phải trả tiền vay	<u>(4.603.958.984)</u>	<u>(5.499.949.329)</u>
Công ty Công trình Giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	<u>(110.000.000)</u>	<u>(110.000.000)</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	<u>176.086.107</u>	<u>446.849.460</u>
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	<u>304.676.838</u>	<u>304.812.619</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Tiền lương	1.055.642.410	971.402.474
Các khoản bảo hiểm phải trả	44.807.017	33.941.568
Cộng	1.100.449.427	1.005.344.042

2. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (Quận 5, Quận 6, Quận 8, Quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	30/06/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.704.509.108	30.704.509.108	50.360.540.017	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.052.494.384	35.052.494.384	8.330.000	8.330.000
Phải thu của khách hàng	112.082.319.041	112.082.319.041	110.399.964.473	110.399.964.473
Phải thu khác	2.880.666.621	2.880.666.621	3.078.366.431	3.078.366.431
Cộng	180.719.989.154	180.719.989.154	163.847.200.921	163.847.200.921
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	171.635.987.582	171.635.987.582	153.361.303.772	153.361.303.772
Chi phí phải trả	35.510.449.882	35.510.449.882	39.515.227.083	39.515.227.083
Phải trả khác	32.245.367.850	32.245.367.850	32.963.355.609	32.963.355.609
Các khoản vay	21.365.297.611	21.365.297.611	5.499.949.329	5.499.949.329
Cộng	260.757.102.925	260.757.102.925	231.339.835.793	231.339.835.793

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng,...).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định hiện hành.

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.704.509.108	-	-	30.704.509.108
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.044.164.384	8.330.000	-	35.052.494.384
Phải thu của khách hàng	112.082.319.041	-	-	112.082.319.041
Phải thu khác	2.872.765.106	7.901.515	-	2.880.666.621
Cộng	180.703.757.639	16.231.515	-	180.719.989.154
Phải trả cho người bán	171.635.987.582	-	-	171.635.987.582
Chi phí phải trả	35.510.449.882	-	-	35.510.449.882
Phải trả khác	13.477.677.258	18.767.690.592	-	32.245.367.850
Các khoản vay	892.222.376	20.473.075.235	-	21.365.297.611
Cộng	221.516.337.098	39.240.765.827	-	260.757.102.925
Chênh lệch thanh khoản thuần	(40.812.579.459)	(39.224.534.312)	-	(80.037.113.771)
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.360.540.017	-	-	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	110.399.964.473	-	-	110.399.964.473
Phải thu khác	3.070.464.916	7.901.515	-	3.078.366.431
Cộng	163.830.969.406	16.231.515	-	163.847.200.921
Phải trả cho người bán	153.361.303.772	-	-	153.361.303.772
Chi phí phải trả	39.515.227.083	-	-	39.515.227.083
Phải trả khác	14.118.095.398	18.845.260.211	-	32.963.355.609

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay	1.788.212.721	3.711.736.608	-	5.499.949.329
Cộng	208.782.838.974	22.556.996.819	-	231.339.835.793
Chênh lệch thanh khoản thuần	(44.951.869.568)	(22.540.765.304)	-	(67.492.634.872)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018



HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018 (SAU KIỂM TOÁN)

Theo báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2018 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	478.326.954.504	494.890.426.854	(16.563.472.350)	96,65%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.911.999.173	10.673.429.257	(3.761.430.084)	64,76%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	485.238.953.677	505.563.856.111	(20.324.902.434)	95,98%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng 6 tháng đầu năm 2018 giảm so với 6 tháng đầu năm 2017 là 20.324.902.434 đồng, tỷ lệ giảm 4,02% do:

1. Doanh thu nước 6 tháng năm 2018 thấp hơn 6 tháng năm 2017 là 16.563.472.350 đồng, tỷ lệ giảm là 3,35% do:

Sản lượng nước tiêu thụ 6 tháng năm 2018 giảm so với 6 tháng năm 2017 là 3.162.688 m³, tỷ lệ giảm 5,9% làm cho doanh thu nước giảm 29.307.575.467 đồng do năm 2018 Công ty đã chuyển giao địa bàn Bình Chánh về Tổng Công ty CN Sài Gòn

Giá bán bình quân 6 tháng năm 2018 tăng so với 6 tháng năm 2017 là 156,17 đồng/m³, tỷ lệ tăng 101,71%, làm cho doanh thu tăng thêm 8.419.421.933 đồng

Doanh thu cho thuê TCSĐ huyện Bình Chánh 6 tháng năm 2018 tăng 2.770.807.660 đồng so với 6 tháng năm 2017, do quý 2 năm 2017 Công ty chưa chuyển giao địa bàn Bình Chánh cho Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn nên không phát sinh khoản doanh thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh

Doanh thu truy thu 6 tháng năm 2018 tăng so với 6 tháng năm 2017 là 1.871.761.596 đồng, tỷ lệ tăng 156,19%

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ 6 tháng năm 2018 giảm so với 6 tháng năm 2017 là 3.761.430.084 đồng, tỷ lệ giảm 35,24% do năm 2018 Công ty đã chuyển giao địa bàn Bình Chánh về Tổng Công ty CN Sài Gòn nên số lượng khách hàng yêu cầu cung cấp dịch vụ giảm.

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	455.188.647.264	478.481.398.073	(23.292.750.810)	95,13%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	8.158.876.543	5.685.738.017	2.473.138.526	143,50%
Cộng	463.347.523.807	484.167.136.090	(20.819.612.283)	95,70%
Trong đó chi tiết giá vốn nước:				
Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	354.656.615.481	378.895.109.255	(24.238.493.774)	93,60%
Chi phí nguyên vật liệu khác	1.014.880.293	2.667.940.591	(1.653.060.298)	38,04%
Chi phí nhân công	31.934.979.641	32.103.934.949	(168.955.308)	99,47%
Chi phí khấu hao tài sản	20.181.930.764	20.139.939.499	41.991.265	100,21%



Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí thuê tài sản hoạt động	24.015.298.554	22.658.913.563	1.356.384.991	105,99%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	17.191.926.060	18.753.472.632	(1.561.546.572)	91,67%
Chi phí chống thất thoát nước	3.228.256.245	844.284.582	2.383.971.663	382,37%
Chi phí cải tạo ống mục	463.165.611	222.866.649	240.298.962	207,82%
Chi phí sửa bể	1.774.049.076	921.032.556	853.016.520	192,62%
Chi phí khác	727.545.539	1.273.903.797	(546.358.258)	57,11%
Tổng chi phí sản xuất	455.188.647.264	478.481.398.073	-23.292.750.809	95,13%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ			-	
Giá vốn đã cung cấp	455.188.647.264	478.481.398.073	(23.292.750.809)	95,13%

b. Thuyết minh

Giá vốn hàng bán trong 6 tháng năm 2018 thấp hơn so với 6 tháng năm 2017 là 20.819.612.283 đồng, tỷ lệ giảm 7,54% gồm:

- Giá vốn tiền nước sạch mua sỉ 6 tháng đầu năm 2018 thấp hơn 6 tháng đầu năm 2017 là 23.292.750.810 đồng, tỷ lệ giảm 4,48% do:

1. Chi phí mua sỉ nước sạch giảm do sản lượng nước mua sỉ 6 tháng năm 2018 giảm so với 6 tháng năm 2017 là 6.321.631 m³, tỷ lệ giảm 8,23% làm cho chi phí mua sỉ nước sạch giảm 24.238.493.774 đồng, tỷ lệ giảm là 6,4%

2. Chi phí nhân nguyên liệu, vật liệu khác phục vụ công tác sửa bể, chống thất thoát nước giảm 1.653.060.298 đồng, tỷ lệ giảm 61,96%.

3. Chi phí thuê tài sản 6 tháng năm 2018 cao hơn 6 tháng 2017 là 1.356.384.991 đồng, tỷ lệ tăng là 105,99% do năm 2018 tăng thêm số lượng tài sản nghiệm thu hoàn thành đưa vào danh mục thuê của Tổng Công ty Cấp nước Sài phục vụ cho hoạt động kinh doanh

4. Chi phí CTTM tăng 2.383.971.663 đồng, tỷ lệ tăng 382,37% và Chi phí CTOM cao hơn 6 tháng đầu năm 2017 là 240.298.962 đồng, tỷ lệ tăng 207,82% do 6 tháng đầu năm 2018 Công ty tập trung vào công tác sửa chữa ống mục, thay thế đồng hồ tổng và các thiết bị nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước, chi phí sửa bể 6 tháng năm 2018 tăng so với 6 tháng năm 2017 là 853.016.520 đồng, tỷ lệ tăng 192,62% do năm 2018 Công ty thuê đơn vị ngoài thực hiện công tác dò bể số tiền là 328.592.727 đồng, 6 tháng 2017 không có thuê ngoài dò bể.

5. Chi phí khác 6 tháng năm 2018 giảm so với 6 tháng năm 2017 là 546.358.258 đồng, tỷ lệ giảm 57,11%

- Giá vốn cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2018 cao hơn 6 tháng năm 2017 là 2.473.138.526 đồng, tỷ lệ tăng 143,5% do

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	5.086.894.920	5.147.834.091	(60.939.171)	98,82%
Chi phí công cụ dụng cụ	1.080.283.281	234.360.364	845.922.917	460,95%
Chi phí khấu hao	463.406.820	407.657.878	55.748.942	113,68%
Thuế, phí chuyển tiền	-	-	-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	1.347.771.263	730.603.916	617.167.347	184,47%
Cộng	7.978.356.284	6.520.456.249	1.457.900.035	122,36%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng 6 tháng đầu năm năm 2018 cao so với 6 tháng đầu năm năm 2017 là 1.457.900.035 đồng, tỷ lệ tăng 122,36% chủ yếu do:

1. Chi phí công cụ dụng cụ tăng 845.922.917 đồng, tỷ lệ tăng 460,95% do cuối năm 2017 và 6 tháng đầu năm năm 2018 Công ty đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ công tác phát hành hóa đơn điện tử tiền nước và hóa đơn điện tử cung cấp dịch vụ.

1707
 0NG
 Ồ PH
 ẮP N
 HỘ
 15-TP

2. Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác tăng 617.167.347 đồng, tỷ lệ tăng 184,47% trong đó tăng chủ yếu là chi phí in mẫu ấn chỉ, khoản mua sắm giấy in nhiệt phục vụ công tác in hóa đơn điện tử (6 tháng đầu năm năm 2017 chưa phát sinh chi phí này).

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	9.258.464.550	9.430.266.587	(171.802.037)	98,18%
Chi phí công cụ dụng cụ	1.705.229.592	1.846.688.031	(141.458.439)	92,34%
Chi phí khấu hao	1.965.764.204	1.924.188.603	41.575.601	102,16%
Thuế, phí chuyển tiền	105.701.770	94.015.894	11.685.876	112,43%
Thuê đất	1.057.381.600	356.548.500	700.833.100	296,56%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	4.362.809.073	4.077.888.408	284.920.665	106,99%
Cộng	18.455.350.789	17.729.596.023	725.754.766	104,09%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm năm 2018 tăng so với 6 tháng đầu năm năm 2017 là 725.754.766 đồng, tỷ lệ tăng 104,09% do:

- Chi phí chuyển tiền tăng 11.685.876 đồng, tỷ lệ tăng 112,43%
- Tiền thuê đất tăng 700.833.100 đồng, tỷ lệ tăng 296,56%, do năm 2018 áp dụng giá thuê đất mới là 764.800 đồng/m², cao hơn so với năm 2017 là 302.654 đồng/m²

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	569.791.383	240.016.633	329.774.750	237,40%
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.546.221	47.157.965	(25.611.744)	45,69%
Cộng	591.337.604	287.174.598	304.163.006	205,92%

b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng 6 tháng đầu năm năm 2018 tăng so với 6 tháng đầu năm năm 2017 là 304.163.006 đồng, tỷ lệ tăng 205,92% do 6 tháng đầu năm năm 2018 lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn cao hơn so với 6 tháng đầu năm năm 2017

IV. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí lãi vay	340.461.419	417.687.225	(77.225.806)	81,51%
Cộng	340.461.419	417.687.225	(77.225.806)	81,51%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính của 6 tháng đầu năm năm 2018 giảm so với 6 tháng đầu năm năm 2017 là 77.225.806 đồng, tỷ lệ giảm 81,51% do chi phí hoạt động tài chính giảm dần theo số dư nợ



VI. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	3.636.364	66.364.323	(62.727.959)	5,48%
Thu tiền KH đầu tư ổng cái	327.223.252	1.054.291.000	(727.067.748)	31,04%
Thu tiền bồi thường di dời	559.712.674	-	559.712.674	100%
Thu khác	189.648.261	39.865.813	149.782.448	475,72%
Cộng	1.080.220.551	1.160.521.136	(80.300.585)	93,08%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của 6 tháng đầu năm năm 2018 giảm so với 6 tháng đầu năm năm 2017 là 80.300.585 đồng, tỷ lệ giảm 6,92% , do:

1. Thu tiền hồ sơ mời thầu giảm so với 6 tháng đầu năm 2017 là 62.727.959 đồng, tỷ lệ 94,52%
2. Thu tiền khách hàng đầu tư ổng cái giảm so với 6 tháng đầu năm 2017 là 727.067.748 đồng, tỷ lệ 68,96%
3. Thu nhập khác tăng 149.782.448 đồng, tỷ lệ 475,72%
4. Thu tiền bồi thường di dời 6 tháng đầu năm 2018 là 559.712.674 đồng, tỷ lệ tăng 100% do 6 tháng đầu năm 2017 không phát sinh.

VII. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí ổng cái do KH đầu tư không hoàn vốn	(19.747.055)	(169.821.963)	150.074.908	11,63%
Khác	3.501.291	43.988.057	(40.486.766)	7,96%
Cộng	(16.245.764)	(125.833.906)	109.588.142	12,91%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của 6 tháng đầu năm 2018 cao so với 6 tháng năm 2017 là 109.588.142 đồng, tỷ lệ tăng 112,91%

IX. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	(3.194.934.703)	(1.697.489.836)	(1.497.444.867)
Thuế TNDN hoãn lại	729.688.624	-	729.688.624
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(3.924.623.327)	(1.697.489.836)	(2.227.133.491)

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của 6 tháng đầu năm 2018 lỗ 3.194.934.703đ, lỗ cao hơn lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2017 là 1.497.444.867 đồng.

LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ KIM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH



HUỶNH TUẤN ANH